

Số: 116/TM-TTYT

Thanh An, ngày 18 tháng 6 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp.

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, để có cơ sở tổ chức xây dựng dự toán sửa chữa các khoa phòng phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Thanh An theo quy định của Nhà nước, Trung tâm Y tế Thanh An kính mời Quý công ty/đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực kinh nghiệm tham gia chào giá: Gói thầu sửa chữa, nâng cấp, cải Khoa Khám bệnh và khoa xét nghiệm – CDHA, Phòng máy chủ thuộc Trung tâm Y tế Thanh An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Thanh An.

Địa chỉ: Thôn Trại Giồng, Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin liên hệ bộ phận chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng tổ chức hành chính – Kế toán, Trung tâm Y tế Thanh An. Địa chỉ: Thôn Trại Giồng, Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0372 489 307 (trong giờ hành chính).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Một trong hai hình thức sau:

3.1 Nhận trực tiếp: Phòng tổ chức hành chính – Kế toán, Trung tâm Y tế Thanh An. Địa chỉ: Thôn Trại Giồng, Xã Thanh An, Tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0977352502 (Ông Đỗ Chí Dũng).

3.2 Nhận qua Gmail: dochidung89@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h00 phút ngày 18/6/2026 đến trước 8h00 phút ngày 23/6/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Hạng mục công tác sửa chữa, cải tạo: Danh mục chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo.

2. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế Thanh An.

3. Dự kiến thực hiện: Quý III năm 2026

3. Dự kiến thực hiện: Quý III năm 2026

4. Mẫu báo giá: Theo mẫu chi tiết phụ lục 2 kèm theo.

5. Các thông tin khác

Giá trị hàng hóa, công việc, dịch vụ được báo giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí nếu có, là chi phí trọn gói, để tài sản được cung cấp, lắp đặt, cài đặt hoàn chỉnh tại địa điểm cung cấp yêu cầu.

Trung tâm Y tế Thanh An thông báo mời tham gia báo giá gói thầu sửa chữa, nâng cấp, cải Khoa Khám bệnh và khoa xét nghiệm – CDHA, phòng máy chủ thuộc Trung tâm Y tế Thanh An.

Kính đề nghị các Đơn vị cung cấp dịch vụ tại Việt Nam có nguyện vọng tham gia gửi báo giá đến Trung tâm Y tế Thanh An theo địa chỉ trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Trung tâm Y tế;
- Các Tổ đấu thầu Trung tâm Y tế;
- Lưu: TCHC-KT.



GIÁM ĐỐC

Bùi Thanh Hải



Phụ lục I

(Kèm theo Thư mời báo giá số 116/TM-TTYT, ngày 18/6/2026 của TTYT Thanh An)

1	KHOA XÉT NGHIỆM - CĐHA			
1.1	PHÒNG X - QUANG			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	*	<i>Phá dỡ</i>		
1	SA.11332	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$	m3	1,141
2	AA.31312	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	3,710
3	SA.11611	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	52,160
4	SA.11212	Phá dỡ nền gạch lá nem	m2	0,446
5	SB.91511	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	2,369
6	SB.94311	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	2,369
7	SB.94711	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	2,369
	*	<i>Cải tạo</i>		
8	SB.31223	Xây tường thẳng bằng gạch không nung rỗng (6,5x10,5x22)cm, chiều dày $\leq 33\text{cm}$, vữa XM M75	m3	0,376
9	SB.61223	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75	m2	52,385
10	SB.82522	Sơn dầu, trần cột, tường trong nhà không bả - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	44,518
11	SB.64150	Ốp tường, trụ, cột bằng gạch tiết diện 30x60cm, vữa XM M75	m2	25,712
12	SB.65380	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 60x60cm,	m2	17,845

		vữa XM M75		
13	TT	Sản xuất cửa Chống phóng xạ dạng cửa kéo (Khung inox, 2 lớp alu dày 3mm, 2 lớp gỗ dày 5 mm, 1 lớp trị dày 3 mm)	m2	6,125
14	TT	Vách kính hệ 55Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm	m2	10,560
15	AH.32211	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2 cấu kiện	16,685
16	SB.61223VD	Trát tường trong, chiều dày trát 3,5cm, vữa XM M75	m2	74,105
17	TT	Lắp mái che cửa sổ phòng trực siêu âm	cái	1,0
1.2	PHÒNG LẤY MÁU XÉT NGHIỆM			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	*	Phá dỡ		
1	SA.11332	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=22cm	m3	12,541
2	SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	12,541
3	SB.94311	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	12,541
4	SB.94711	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	12,541
	*	Cải tạo		
5	TT	Vách kính hệ 55Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm	m2	11,825
6	TT	Cửa sổ hệ 55Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38mm độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm	m2	4,514
7	AH.32211	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2 cấu	16,339

			kiện	
8	SB.61223	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75	m2	8,043
9	SB.61423	Trát trần, vữa XM M75	m2	3,514
10	SB.64150	Ốp tường, trụ, cột bằng gạch tiết diện 30x60cm, vữa XM M75	m2	9,054
11	SB.65380	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 60x60cm, vữa XM M75	m2	3,514
12	SB.82522	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả -1 nước lót, 2 nước phủ	m2	61,320
13	SB.72211	Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao 600x600mm	m2	32,454
14	BB.91501	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	1,0
15	BB.91101	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	bộ	1,0
16	TT	Ốp tấm PVC vân đá nhựa nano tường và cửa sổ	0	12,350
1.3	HÀNH LANG			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	*	Phá dỡ		
1	SA.11332	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=22cm	m3	3,413
2	SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	3,413
3	SB.94311	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	3,413
4	SB.94711	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	3,413
	*	Cải tạo		
5	SB.61223	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75	m2	1,625

6	SB.61423	Trát trần, vữa XM M75	m2	1,050
7	SB.82522	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả -1 nước lót, 2 nước phủ	m2	162,680
8	SB.65380	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện $\leq 0,36m^2$, vữa XM M75	m2	1,050
2	KHOA KHÁM BỆNH			
2.1	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	SB.65350	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 40x40cm, vữa XM M75	m2	14,007
2	SB.64150	Ốp tường, trụ, cột bằng gạch tiết diện 30x60cm, vữa XM M75	m2	3,004
3	SB.82522	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả -1 nước lót, 2 nước phủ	m2	25,312
2.2	MÁI CHE			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	AI.11131	Gia công cột bằng thép hình	tấn	0,028
2	AI.11121	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ nhỏ, khẩu độ ≤ 9 m	tấn	0,062
3	AI.11221	Gia công xà gồ thép	tấn	0,087
4	AI.61111	Lắp dựng cột thép các loại	tấn	0,028
5	AI.61121	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ ≤ 18 m	tấn	0,062
6	AI.61131	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	0,087
7	AK.83520	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	16,650
8	AK.12222	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ dày 0.4mm	100m2	0,40

9	TT	Tôn úp nóc	m	12,0
10	TT	Máng thu nước	m	5,0
2.3	PHÒNG KHÁM TIỂU ĐƯỜNG			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	*	Phá dỡ		
1	SA.11332	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường <=22cm	m3	4,648
2	SB.91511	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	4,648
3	SB.94311	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	4,648
4	SB.94711	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	4,648
	*	Phá dỡ	0	0,0
5	SB.61223	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75	m2	11,768
6	SB.61423	Trát trần, vữa XM M75	m2	1,050
7	SB.82522	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả -1 nước lót, 2 nước phủ	m2	146,679
8	SB.65380	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 60x60cm, vữa XM M75	m2	1,050
9	TT	Cửa sổ hệ 55Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38mm độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm	m2	4,940
10	AH.32211	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2 cấu kiện	4,940
11	BA.16202	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x2,5m2	m	120,0
12	BA.17202	Lắp đặt ổ cắm đôi	cái	3,0
13	BA.14302	Lắp đặt ống nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính 21mm	m	120,0

14	TT	Đế nổi ổ cắm	cái	3,0
2.4	PHÒNG KHÁM 75			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	*	Phá dỡ		
1	SA.11332	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày tường $\leq 22\text{cm}$	m3	2,009
2	SB.91511	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m3	2,009
3	SB.94311	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	2,009
4	SB.94711	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 5,0T	m3	2,009
	*	Cải tạo		
5	SB.31223	Xây tường thẳng bằng gạch đất sét nung rỗng (6,5x10,5x22)cm, chiều dày $\leq 33\text{cm}$, vữa XM M75	m3	1,464
6	SB.61223	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75	m2	8,930
7	SB.61123	Trát tường ngoài chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75	m2	7,345
8	SB.31612	Xây mới tam cấp bằng gạch VXM mác 50	m3	0,144
9	SB.65380	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện $\leq 0,36\text{m}^2$, vữa XM M75	m2	0,360
10	TT	Cửa đi một cánh hệ 55Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38mm trắng trong độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm	m2	2,475
11	TT	Cửa sổ hệ 55Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38mm độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm	m2	2,220
12	AH.32211	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2 cấu kiện	4,695

13	SB.82522	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả -1 nước lót, 2 nước phủ	m2	61,430
14	SB.82524	Sơn tường nhà không bả - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	7,345
15	AL.11221	Gia công xà gỗ thép	tấn	0,069
16	AL.61131	Lắp dựng xà gỗ thép	tấn	0,069
17	AK.83520	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	6,720
18	AK.12222	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ dày 0.45mm	100m2	0,322
19	TT	Vách che khung thép hộp tôn	m2	30,80
2.5	PHÒNG KẾ TOÁN VIỆN PHÍ			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	TT	Vách kính hệ 55Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm	m2	4,860
2	AH.32211	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2 cấu kiện	4,860
3	TT	Sửa vách kính, thay kính	m2	2,50
2.6	PHÒNG KHÁM RĂNG			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	BB.91501	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	1,0
2	BB.91101	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	bộ	1,0
3	TT	Mặt đá đen Kim Xa phòng khám răng	m2	2,650
4	TT	Khung sắt hộp + cửa nhôm day ngăn kéo	m	2,60
5	BB.41108	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo đoạn ống dài 6m, đường kính ống 100mm	100m	0,120

3	PHÒNG MÁY CHỦ			
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	AI.11221	Gia công xà gỗ thép	tấn	0,062
2	AI.61131	Lắp dựng xà gỗ thép	tấn	0,062
3	AK.83520	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	5,877
4	TT	Óp tấm bê tông nhẹ dày 1.5 cm	m2	19,140
5	SB.64180	Óp tường, trụ, cột bằng gạch tiết diện <= 0,54m2, vữa XM M75	m2	19,935
6	TT	Cửa sổ hệ 55Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38mm độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm	m2	1,980
7	AH.32211	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2 cấu kiện	1,980
8	TT	Bịt nhựa nano 2 cửa kho tài liệu, 1 cửa phòng máy chủ	m2	7,410

Phụ lục 02

(Kèm theo Thư mời báo giá số 116/TM-TTYT, ngày 18/6/2026 của TTYT Thanh An)

Stt	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã có VAT)	Thành tiền (đã có VAT)
1					
2					
3					
4					
5					
...					
	Tổng tiền				

2. Báo giá này có hiệu lực trong thời gian: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn báo giá.

3. Giá trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí hóa chất, nhân công, vật tư, thiết bị, di chuyển và vận chuyển.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất/nhà cung cấp